

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 136/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 23-8-2019.

V/v: “Tranh chấp ly hôn, con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thu Thương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Huỳnh Thị Kim Kiên

2. Bà Trương Thị Thìn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân TP B tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thắng – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 977/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2019 về việc “Ly hôn, con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 182/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thùy C, sinh năm 1978

Địa chỉ: Ấp 7, Q, huyện E, tỉnh Long An

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh V, sinh năm 1967

Địa chỉ: xã H (nay là P. H), TP. B, tỉnh Đồng Nai

(Bà C, ông V có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 20/3/2019, bà Lê Thị Thùy C nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân TP B giải quyết xin được ly hôn với ông Nguyễn Thanh V. Lý do xin ly hôn, theo Bà C trình bày: Năm 2012 bà và ông V tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân P. H, TP. B, tỉnh Đồng Nai. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng từ năm 2018 thì vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã nhau, ông V thường hay đánh đập bà gây thương tích cho bà, cuộc

sống chung không thể hòa hợp, không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và vợ chồng đã sống ly thân. Nay Bà C nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể giải quyết được và ngày càng trở lên trầm trọng, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn với ông V.

Về con chung: có 01 con chung là Nguyễn Thanh Bình, sinh ngày 29/10/2012. Ly hôn Bà C có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Bình, không yêu cầu ông V phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Hiện nay cháu Bình đang sống chung với bà và bà đang làm nghề kinh doanh tự do, mức thu nhập của bà khoảng 10.000.000đ (mười triệu đồng), do bà làm nghề kinh doanh tự do nên bà không có bảng lương để nộp cho Tòa án, bà đủ điều kiện để nuôi cháu Bình,

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Bà C xác định không có.

Tại bản tự khai bị đơn ông Nguyễn Thanh V trình bày: Về quan hệ hôn nhân đúng như Bà C đã khai, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường thời gian đầu sau đó đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, có cãi vã, xung đột nhau, ông có đánh Bà C nên bà đã bỏ về nhà ba mẹ ruột ở Long An để sinh sống, ông có đến gặp xin lỗi gia đình Bà C nhưng Bà C vẫn không tha thứ cho ông và đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay nhưng nay do ông còn con nhỏ ông không đồng ý ly hôn với Bà C.

Về con chung: Có một cháu là Nguyễn Thanh Bình, sinh ngày 29/10/2012. Ly hôn ông có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Bình, không yêu cầu Bà C cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Hiện nay ông làm tài xế lái xe mức thu nhập của ông khoảng 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng)/tháng, ông làm nghề tự do nên không có bảng lương cung cấp cho Tòa án. Hiện nay cháu Bình đang sống chung với Bà C.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Ông V xác định không có.

* Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã thực hiện đúng.

- Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Bà C xin ly hôn với ông V lý do vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã nhau, ông V thường hay đánh đập bà gây thương tích cho bà, cuộc sống chung không thể hòa hợp, không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và vợ

chồng đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Việc mâu thuẫn vợ chồng ông V cũng thừa nhận có xảy ra mâu thuẫn và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay nhưng ông không đồng ý ly hôn là do ông còn con nhỏ và ông còn tình cảm với Bà C. Theo các chứng cứ Bà C cung cấp có giấy thương tích mà ông V đánh đập bà và vợ chồng đã sống ly thân, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của Bà C, giải quyết cho Bà C được ly hôn với ông V để trả tự do cả hai.

Về con chung: Cả ông V và Bà C đều có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Bình, tuy nhiên hiện nay Bà C đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bình và cũng có chỗ ở, thu nhập ổn định nên giao cháu Nguyễn Thanh Bình, sinh ngày 29/10/2012 cho Bà C chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Tạm thời ông V không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Nợ chung: Không có

Về án phí: Bà C phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bà Lê Thị Thùy C xin ly hôn với ông Nguyễn Thanh V nơi cư trú tại địa chỉ: 160/25, ấp Cầu Hang (nay là KP Cầu Hang), xã H (nay là P. H), TP. B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân TP. B có thẩm quyền giải quyết.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với nguyên đơn bà Lê Thị Thùy C và bị đơn ông Nguyễn Thanh V đều đã có đơn đề nghị Tòa án cho vắng mặt xét xử. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: bà **Lê Thị Thùy C** và ông Nguyễn Thanh V chung sống với nhau vào năm 2012 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H (nay là P. H), TP. B, tỉnh Đồng Nai. (giấy chứng nhận kết hôn số 123, quyển 01/2012, ngày 15/10/2012), theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, theo Bà C trình bày vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc, nhưng từ năm 2018 thì vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã nhau, cuộc sống chung không thể hòa hợp, không còn sự quan tâm, chăm

sóc lẫn nhau, ông V thường xuyên đánh đập gây thương tích cho bà và vợ chồng đã sống ly thân nên bà đề nghị ly hôn với ông V. Ông V cũng xác định quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó thì xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau nên Bà C đã bỏ về nhà ba mẹ ruột ở Long An để sinh sống từ năm 2018 đến nay, ông có về nhà Bà C xin lỗi gia đình bà nhưng Bà C vẫn cương quyết không hàn gắn với ông kể từ đó vợ chồng đã sống ly thân nhưng do hiện nay ông còn con chung nên ông không đồng ý ly hôn với Bà C.

Qua kết quả xác minh tại địa phương nơi cư trú của Bà C, ông V thì được biết mâu thuẫn vợ chồng Bà C, ông V địa phương không nắm rõ do không có báo với địa phương. Xét thấy mâu thuẫn giữa Bà C và ông V đã thật sự trầm trọng, cả hai ông bà đều xác định vợ chồng sống chung có xảy ra mâu thuẫn, ông V có đánh đập gây thương tích cho Bà C và đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của Bà C, giải quyết cho Bà C được ly hôn với ông V để trả tự do cả hai.

[4] Về con chung: Bà C, ông V có một cháu là Nguyễn Thanh Bình, sinh ngày 29/10/2012. Bà C có nguyện vọng xin được nuôi cháu Bình, không yêu cầu ông V cấp dưỡng; ông V cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Bình và không yêu cầu Bà C phải cấp dưỡng nuôi con. Xét nguyện vọng được nuôi con chung của ông V, Bà C là chính đáng. Tuy nhiên, trong thời gian Bà C, ông V không sống chung với nhau cháu Bình do Bà C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, Bà C cũng có thu nhập và chỗ ở ổn định, để đảm bảo ổn định cuộc sống phát triển toàn diện về thể chất cũng như tinh thần của cháu Bình, Hội đồng xét xử nghĩ nên giao cháu Bình cho Bà C tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp nhất.

Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Bà C không yêu cầu ông V phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên tạm thời ông V không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung, không có, nợ chung: Không có

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bà C phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm.

[7] Đối với phần phát biểu của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân TP. B tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và ý kiến về việc giải quyết vụ án như trên. Xét thấy, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228; Điều 266, 271, 273; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 9, Điều 11 và Điều 12, Điều 89, Điều 92, Điều 93 và Điều 94 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 6; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu “Ly hôn, con chung” của bà Lê Thị Thùy C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Thùy C được ly hôn với ông Nguyễn Thanh V.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thanh Bình, sinh ngày 29/10/2012 cho Bà C chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Tạm thời ông V không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Vì không trực tiếp nuôi con nên ông V được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết, đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: không có, nợ chung: Bà C, ông V xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về án phí HNGĐ-ST: Bà Lê Thị Thùy C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, theo biên lai thu số 0004974 ngày 10/5/2019.

5. Bà Lê Thị Thùy C và ông Nguyễn Thanh V được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND TP B (2);
- THADS TP B (1);
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- UBND xã H, TPBH (1);
- Dương sự (2);
- Lưu hồ sơ vụ án (1).

Phan Thị Thu Thương